



qīng zhuāng

轻装

noun / verb-object phrase · light pack; travel light

Example Sentences

zhè cì lǚ xíng wǒ jué dìng qīng zhuāng chū fā
这次旅行我决定轻装出发。

I decided to travel light for this trip.

wèi le jié shěng shí jiān tā men qīng zhuāng qián jìn
为了节省时间，他们轻装前进。

To save time, they moved forward with light packs.

Trace each character, then write the word on your own.

轻	轻	轻	轻	轻	轻	轻	轻	轻	轻	轻
轻										
装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装
装	装	装	装							